

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 02 - 2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu;
2. Ông Mai Thế Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm: 1993; (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Xóm 3, thôn L, xã T1, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1994; (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T2, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 28/11/2019, biên bản lấy lời khai, tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị D và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 24/3/2017). Thời gian đầu vợ chồng chị D

chung sống hạnh phúc với nhau nhưng không được bao lâu thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh H là do anh H không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu say về chửi bới, đánh đập chị D. Mặc dù, chị D đã nhiều lần khuyên nhủ, tha thứ nhưng anh H vẫn không thay đổi. Chị D và anh H đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2019 cho đến nay, chị D và con đang ở nhà cha mẹ đẻ tại thôn L, xã T1, huyện H, còn anh H đang chung sống với mẹ ruột tại khu phố T2, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian sống ly thân, giữa chị D và anh H không còn quan tâm, chăm sóc, hỏi han lẫn nhau. Nay chị D không còn tình cảm và có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, chị D với anh H có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 22/11/2016, hiện con đang ở với chị D. Chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị D cung cấp kèm theo đơn khởi kiện gồm: 01 Chứng minh nhân dân (*bản sao*); 01 Sổ hộ khẩu (*bản sao*); 01 Giấy chứng nhận kết hôn (*bản chính*); 01 Trích lục khai sinh (*bản sao*).

Theo biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H trình bày như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh H và chị D tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên, hai bên chỉ tổ chức đám hỏi vào năm 2015 mà không có tổ chức đám cưới với nhau. Giữa anh H và chị D chung sống với nhau được 03 năm. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn nhưng đến tháng 2/2019 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị D không chăm lo cho chồng con; chị D có mong muốn vợ chồng ra ở riêng nhưng vì kinh tế vợ chồng không đủ điều kiện để xây dựng nhà cửa nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng thời gian đầu chung sống tại nhà cha mẹ vợ khoảng 02 năm sau đó anh H trở về nhà để đi làm ăn, chị D thỉnh thoảng lên nhà anh H ở được một tuần thì trở về lại nhà cha mẹ đẻ. Vì điều kiện kinh tế và khoảng cách địa lý nên tình cảm giữa chị D và anh H ngày càng xa cách. Hiện tại anh H cũng đã sống ly thân với chị D và nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với chị D được nữa nên anh H cũng đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Anh H và chị D có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 22/11/2006, hiện con đang ở với chị D ở huyện H. Chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ trước cho đến nay nên anh H đồng ý giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân (*bản sao*); 01 giấy chứng nhận kết hôn (*bản sao*), 01 trích lục khai sinh (*bản sao*) kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; biên bản lấy lời khai của nguyên, bị đơn, biên bản hòa giải, biên bản xác minh do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất với nhau: Về hôn nhân, chị D có yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H, anh H đồng ý ly hôn; Về con chung: Chị D có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung, anh H đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng và không cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất với nhau: Không có.

Mặc dù, các đương sự đã thống nhất với nhau tất cả các nội dung trong vụ án. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh H nhiều lần để làm việc đối với yêu cầu khởi kiện của chị D cũng như tiến hành phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên nhưng anh H không chấp hành nên Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn H không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 203, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án để tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D. Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một người con tên là Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 22/11/2006 cho đến khi thành niên.

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ án này là phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Xét yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nguyễn Thị D, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh Nguyễn Văn H lần thứ nhất anh H vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Văn H.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đi tới hôn nhân và có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T1, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào năm 2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau có hạnh phúc, nhưng đến tháng 02/2019, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm dẫn đến giữa chị D và anh H thường xuyên cãi vã nhau. Chị D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh H không chăm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu say về kiếm chuyện chửi bới, đánh đập chị D, trong khi anh H cho rằng chị D là người không chăm lo cho chồng con, mâu thuẫn chính giữa hai người là việc chị D mong muốn vợ chồng ra ở riêng nhưng chưa có điều kiện hơn nữa hai vợ chồng mỗi người sống một nơi ít có thời gian gần gũi, chia sẻ vun đắp tình cảm với nhau. Hiện tại, giữa chị và anh H đang sống ly thân khoảng hơn 01 năm. Thời gian sống ly thân, không còn ai quan tâm, yêu thương, chăm sóc và thực hiện các công việc trong gia đình với nhau.

Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành làm việc và lấy lời khai của anh Nguyễn Văn H (Bút lục 27) thể hiện anh H đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị D khi chị D có yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên, Tòa án nhiều lần triệu tập anh H để tiến

hành mở phiên họp hòa giải cho các bên cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể ra Quyết định thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận của đương sự mà phải đưa vụ án ra xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Điều đó, thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân không thể cải thiện, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị D có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng một người con chung tên là Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 22/11/2016 cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy; hiện nay người con chung giữa chị D và anh H đang sinh sống và do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ trước cho đến nay. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H đồng ý giao người con chung này cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con tên là Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 22/11/2016 cho đến khi thành niên là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng:

Chị D không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này là phù hợp.

[6] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Tòa án không xem xét là phù hợp.

[7] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 4 điều 147, Điều 203; khoản 1 Điều 227; các Điều 228, 262, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D.

Chị Nguyễn Thị D ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung:*

Giao cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con tên là Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 22/11/2016 cho đến khi thành niên.

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. *Về án phí:*

Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0027087 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận, chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/02/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. *(Đã giải thích quyền kháng cáo)*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã T1, huyện H, tỉnh Bình Thuận;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mận

